

Bản án số: 569/2025/DS-PT

Ngày: 05- 08- 2025

V/v: “*Tranh chấp liên quan đến TS*

bị cưỡng chế thi hành án”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Liên Anh;

Ông Vũ Toàn Giang.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Lan Anh – Thư ký TAND
Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị N -
Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2025, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2025/TLPT-DS ngày 29/4/2025 về việc “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của TAND huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (***Nay là:*** TAND khu vực 7, Thành phố Hà Nội) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 603/2025/QĐ-PT ngày 06/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa của TAND Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc T – Chấp hành viên Thi hành án dân sự Thành phố H. Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội (***Nay là:*** Tổ dân phố N, phường T, Thành phố Hà Nội). Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968. Có mặt.

2.2. Ông Nguyễn Quý N1, sinh năm 1964 (***Là chồng bà A***). Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (***Nay là:*** Thôn M, xã Đ, Thành phố Hà Nội).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Nguyễn Minh T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số A, đường H, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội (***Nay là:*** Số A, đường H, phường T, Thành phố Hà Nội). Có mặt.

3.2. Anh Nguyễn Sơn T2, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Nay là: Thôn M, xã Đ, Thành phố Hà Nội). Vắng mặt.

3.3. Văn phòng C. Địa chỉ: Số F, đường C, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Nay là: Số F, đường C, xã Đ, Thành phố Hà Nội). Vắng mặt.

3.4. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố H. Trụ sở: Số C T, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là: Số C T, phường H, Thành phố Hà Nội). *Đại diện theo pháp luật*: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố H. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Nguyễn Thị A – Bị đơn; Có mặt.

4.2. Chị Nguyễn Minh T1 – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Có mặt.

5. Người được Tòa án triệu tập: Ngân hàng TMCP Q (Sau đây viết tắt là V). Địa chỉ: S, A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh. Do các ông Nguyễn Tử K, Nguyễn Hồng Đ – Cán bộ V. Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, phường K, Thành phố Hà Nội là đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án, tại cấp sơ thẩm:

1. Nguyên đơn - ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2015/DS-ST ngày 14/7/2015 của TAND Thành phố Hà Nội và Bản án dân sự phúc thẩm số 90/2016/DS-PT ngày 14/07/2016 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã quyết định:

“Buộc bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quý N1 (Là chồng bà A) trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền gốc là 360.000.000 đồng + 38.436.450 đồng tiền lãi, tổng cộng là: 398.436.450đ (Ba trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm năm mươi đồng); Nộp án phí dân sự sơ thẩm là 19.921.822đ (Mười chín triệu, chín trăm hai mươi một ngàn đồng)”.

Căn cứ vào các bản án trên, đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 26/QĐ-CTHADS ngày 10/10/2016; Quyết định thi hành án số 28/QĐ-CTHADS ngày 14/10/2016, quyết định cho thi hành án đối với:

- Người phải thi hành án: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quý N1;
- Người được thi hành án: Bà Nguyễn Thị M;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Minh T1.

Các khoản phải thi hành: Ông N1, bà A phải trả cho bà Nguyễn Thị M 398.436.450 đồng và phải nộp 19.921.822 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình tiến hành thi hành án, bà A và ông N1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà M, không nộp tiền án phí vào ngân sách Nhà nước. Do đó, Cục Thi hành án dân sự không kết thúc được việc thi hành án nêu trên.

Xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng bà A, ông N1 được biết bà A và ông N1 có tài sản là: Quyền sử dụng 96,3m² đất ở và ngôi nhà 03 tầng tại thửa

đất số 24, tờ bản đồ số 5, thuộc địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 539822 (*Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ số W 539822*) ngày 06/09/2003 cho hộ gia đình ông Nguyễn Quý N1.

Ngày 17/09/2016, bà A, ông N1, anh T2 và chị T1 đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1607/HĐTC/2016 (*Sau đây viết tắt là HĐTCQSDĐ số 1607*) tại Văn phòng C. Với nội dung: Bà A, ông N1, anh Tùng T3 cho toàn bộ phần quyền sử dụng đất của mình theo GCNQSDĐ số W 539822 cho chị T1. Ngày 07/10/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 205986 (*Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ số CE 205986*) cho chị T1 đối với thửa đất số 24-2, tờ bản đồ số 5, thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội. Thực tế thì vợ chồng ông N1, bà A và anh T2 vẫn thường xuyên ăn ở, sinh hoạt tại nhà đất này từ trước đến nay. Chị T1 đã chuyển về ở nhà chồng, không ở nhà đất đó cùng với ông N1, bà A.

Do bà A, ông N1 không tự nguyện thi hành án các khoản tiền phải thi hành án, lại làm thủ tục cho tặng tài sản nêu trên là có ý thức tẩu tán tài sản, nhằm trốn tránh nghĩa vụ, gây khó khăn cho công tác thi hành án, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án và tài sản của Nhà nước. Để đảm bảo cho việc tổ chức cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật, trên cơ sở được phân công giải quyết hồ sơ thi hành án; căn cứ khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Tuyên hủy HĐTCQSDĐ số 1607 tại Văn phòng C, giữa bà A, ông N1, anh T2 và chị Nguyễn Minh T1 vô hiệu do giả tạo.

- + Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H thu hồi, hủy GCNQSDĐ số CE 205986 đã cấp ngày 07/10/2016 cho chị Nguyễn Minh T1 đối với thửa đất số 24-2, tờ bản đồ số 5, diện tích 96,3m², thuộc địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- + Xác định diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn Quý N1 để đảm bảo cho việc cưỡng chế thi hành án của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn - Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quý N1 cùng trình bày:

Ông bà công nhận việc Tòa án các cấp đã giải quyết và xét xử vụ án tranh chấp đòi tài sản giữa bà M với ông bà từ năm 2015-2016. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không thể trả ngay toàn bộ khoản nợ cho bà M. Từ trước đến nay. Ông bà vẫn có nguyện vọng được trả dần mỗi năm từ 20 đến 30 triệu đồng cho đến khi trả hết nợ. Việc gia đình ông bà tặng cho chị T1 toàn bộ thửa đất là để khi cần tiền giải quyết việc gia đình, chị T1 đại diện giao dịch vay ngân hàng, không có mục đích tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà M và nộp tiền án phí.

Ông bà vẫn giữ nguyên quan điểm, nguyện vọng về việc trả nợ cho bà M như trên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. *Chị Nguyễn Minh T1 và anh Nguyễn Sơn T2* không đến Tòa án làm việc; không nộp (gửi) văn bản ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện; Không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu độc lập; Chị T1 không hợp tác, từ chối khai báo khi Tòa án tiến hành lấy lời khai.

3.2. *Văn phòng C* gửi Văn bản số 54/VPCCĐA ngày 30/06/2023 với nội dung: Ngày 17/09/2016, Văn phòng đã chứng nhận HĐTCQSDĐ số 1607 và khẳng định:

- Toàn bộ quá trình công chứng HĐTCQSDĐ số 1607 được thực hiện theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Các bên tham gia giao kết hợp đồng, văn bản đều hiểu rõ nội dung, hệ quả pháp lý của hợp đồng, văn bản; Hoàn toàn tự nguyện, thoả thuận. Nội dung của hợp đồng, văn bản phù hợp quy định của pháp luật, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Tại thời điểm công chứng, các bên tham gia giao kết hợp đồng, văn bản có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn: Giữ nguyên lời khai và quan điểm đã trình bày.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vắng mặt.

Kiểm sát viên VKSND huyện Đông Anh tham gia phiên tòa. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DS-ST ngày 31/7/2024, TAND huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (Nay là: TAND khu vực 7, Thành phố Hà Nội) quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T đối với bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quý N1.

2. Tuyên huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1607/HĐTC/2016 lập ngày 17/09/2016 tại Văn phòng C giữa bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Quý N1, anh Nguyễn Sơn T2 và chị Nguyễn Minh T1 vô hiệu do giả tạo.

Bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Quý N1, anh Nguyễn Sơn T2 và chị Nguyễn Minh T1 tự chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu.

3. Xác định diện tích 96,3m² đất có tại thửa đất số 24-2, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông Nguyễn Quý N1.

Gia đình ông Nguyễn Quý N1 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Buộc chị Nguyễn Minh T1 có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 205986, Sổ vào sổ cấp GCN: CS-ĐA 06642 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/10/2016 đối với thửa đất số 24-2, tờ bản đồ số 5, diện tích 96,3m², thuộc địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội để giải quyết các thủ tục liên quan đến thu hồi, huỷ giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về đất đai.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị A là bị đơn; Chị Nguyễn Minh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cùng kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của TAND huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (**Nay là:** TAND khu vực 7, Thành phố Hà Nội). Với yêu cầu: Đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xác định HĐTCQSDĐ số 1607 có hiệu lực pháp luật; Diện tích 96,3m² đất tại thửa đất số 24-2, GCNQSDĐ số CE 205986 hiện chị T1 đang thế chấp Ngân hàng TMCP Q (V) để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay 750.000.000 đồng; cung cấp văn bản “XÁC NHẬN KHOẢN VAY” của Ngân hàng TMCP Q (V)- Chi nhánh B-PGD Lê Văn L.

Sau khi thụ lý vụ án.

Cấp phúc thẩm đã có công văn số 260/CV- TA ngày 26/6/2025 gửi Ngân hàng TMCP Q (V) để xác minh.

Ngày 14/7/2025. VIB đã gửi văn bản số 196897.25 ngày 10/7/2025 và cung cấp toàn bộ hồ sơ Hợp đồng tín dụng số 3177920 ngày 27/6/2023. Xác định: Chị T1 và chồng là Trần Thái L1 đã vay của V- Chi nhánh B –PGD Lê Văn L số tiền gốc 750.000.000 đồng với thời hạn 180 tháng. Chị T1 và chồng là Trần Thái L1 đã thế chấp Quyền sử dụng diện tích 96,3m² đất, thửa đất số 24-2; GCNQSDĐ số CE 205986 đứng tên chị Nguyễn Minh T1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 27/6/2023. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ1 - Chi nhánh huyện Đ ngày 27/6/2023. Khẳng định:

- Chị T1 và chồng là Trần Thái L1 chưa thanh toán xong khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số 3177920 ngày 27/6/2023. Quyền sử dụng diện tích 96,3m² đất tại thửa đất số 24-2; GCNQSDĐ số CE 205986 đứng tên chị Nguyễn Minh T1 vẫn đang thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 27/6/2023. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đ1 - Chi nhánh huyện Đ ngày 27/6/2023;

- Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không V tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền lợi của V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà A, chị T1 cùng thống nhất trình bày tranh luận:

Nếu nguyên đơn đồng ý rút đơn khởi kiện thì đến cuối tháng 8/2025 gia đình ông N1- bà A sẽ nộp 200.000.000 đồng để thi hành án, số tiền phải thi hành còn lại thì sẽ nộp hết trong năm 2026. Trường hợp nguyên đơn không đồng ý thì giữ nguyên các quan điểm đã trình bày trong đơn kháng cáo. Đề nghị cấp Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn trình bày tranh luận: Không nhất trí với quan điểm của người kháng cáo. Giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của V trình bày. Giữ nguyên các quan điểm ý kiến đã trình bày tại văn bản số 196897.25 ngày 10/7/2025. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo pháp luật.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản đến Hội đồng xét xử.

Kiểm sát viên, VKSND Thành phố Hà Nội phát biểu: Theo bản phát biểu được lưu trong hồ sơ vụ án. Có nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.
- Các đương sự không kháng cáo đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

[2]. Về Nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà A và chị T1. Hội đồng xét xử thấy:

Mặc dù bà A là bị đơn; chị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên có cùng kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xác định HĐTCQSDĐ số 1607 có hiệu lực pháp luật; diện tích 96,3m² đất tại thửa đất số 24 -2, GCNQSDĐ số CE 205986 hiện chị T1 đang thế chấp tại VIB nên được xét chung.

Ngày 17/09/2016 tại Văn phòng C: Bà A, ông N1, anh T2 (*Bên tặng cho- Bên A*) và chị T1 (*Bên được tặng cho- Bên B*) đã lập HĐTCQSDĐ số 1607. Với nội dung: “*Bằng Hợp đồng này Bên A đồng ý tặng cho Bên B toàn bộ phần quyền sử*

dụng đất của Bên A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa W 539822....- Thửa đất số 24 - Tờ bản đồ số 5 - Diện tích hiện còn sử dụng 96,3m².... ”. Sau khi được tặng cho chị T1 đã thực hiện các thủ tục về việc được tặng cho tài sản và đăng ký kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 07/10/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp GCNQSDĐ số CE 205986 cho “Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” là chị Nguyễn Minh T1 đối với thửa đất số 24-2 (Đối tượng được tặng cho tại HĐTCQSDĐ số 1607). Tuy nhiên:

- Ngày 10/10/2016, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội ban hành “QUYẾT ĐỊNH Thi hành án theo yêu cầu” số 26/QĐ – CTHADS.

- Ngày 14/10/2016, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội mới ban hành “QUYẾT ĐỊNH Thi hành án chủ động” số 28/QĐ - CTHADS.

- Ngày 26/4/2018, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội mới ban hành “QUYẾT ĐỊNH Cường chế kê biên, xử lý tài sản” số 22/QĐ - CTHADS.

Như vậy các quyết định của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội về việc thi hành Bản án số 90/2016/DSPT ngày 14/7/2016 của TAND cấp cao tại Hà Nội và Bản án số 31/2015/DSST ngày 14/7/2015 của TAND Thành phố Hà Nội đều ban hành sau khi bà A, ông N1, anh T2 và chị T1 đã ký, thực hiện HĐTCQSDĐ số 1607 và sau khi chị T1 đã được cấp GCNQSDĐ số CE 205986 đối với tài sản được tặng cho.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và cung cấp của V. Có đủ căn cứ khẳng định: Tài sản mà chị T1 được tặng cho theo HĐTCQSDĐ số 1607 đang thế chấp tại V. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn đều không biết và không cung cấp với Tòa án về việc chị T1 đã thế chấp tài sản được tặng cho tại HĐTCQSDĐ số 1607 với V. Chị T1 không đến Tòa án làm việc; không có văn bản trình bày quan điểm với Tòa án và không cung cấp tài liệu và chứng cứ về việc tài sản mà chị được tặng cho theo HĐTCQSDĐ số 1607 đang thế chấp với V. Do đó: Tòa án cấp sơ thẩm không biết và không đưa VIB (*Bên nhận thế chấp*) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không xác định và không xem xét giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ của V đối với tài sản thế chấp là đối tượng tặng cho của HĐTCQSDĐ số 1607 mà nguyên đơn đề nghị tuyên vô hiệu, khôi phục lại tình trạng ban đầu tại cấp sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm V đề nghị xem xét bảo vệ quyền lợi của mình và đề nghị được tham gia tố tụng từ quá trình giải quyết sơ thẩm. Việc không xác định, không quyết định về quyền lợi, nghĩa vụ của V tại cấp sơ thẩm không có lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của TAND huyện Đông

Anh, Thành phố Hà Nội (**Nay là** TAND khu vực 7, Thành phố Hà Nội); Giao hồ sơ vụ án về TAND khu vực 7, Thành phố Hà Nội xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Khi giải quyết lại vụ án. Cấp sơ thẩm cần buộc nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh: Quyền sử dụng 96,3m² đất ở và ngôi nhà 03 tầng tại thửa đất số 24 -2, tờ bản đồ số 5 ở: Thôn M, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (Nay là: Thôn M, xã Đ, Thành phố Hà Nội); GCNQSDĐ số W539822 có phải là tài sản duy nhất của ông N1- bà A để có căn cứ xác định việc tặng cho chị T1 theo HĐTCQSDĐ số 1607 thuộc hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

- Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 147, Điều 148; khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A là bị đơn và chị Nguyễn Minh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 204/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của TAND huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (**Nay là** TAND khu vực 7, Thành phố Hà Nội); Giao hồ sơ vụ án về TAND khu vực 7, Thành phố Hà Nội xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

2.2. Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả: Bà Nguyễn Thị A, chị Nguyễn Minh T1 mỗi người 300.000 đồng tạm ứng dân sự phúc thẩm đã nộp theo các “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” ký hiệu BLTU/23 số 0071150 và số 0071149 cùng ngày 27/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (**Nay là:** Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Hà Nội).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND khu vực 7- Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án/ VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Hoàng